TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Luận

2. Ông Trần Minh Phương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Thân Thanh Cền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Hữu A, sinh năm 1984. Vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm H, thôn Đinh, xã Tri Phương, Cện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Trà B, sinh năm 1988. Vắng mặt;

Địa chỉ: Xóm H, thôn Đinh, xã Tri Phương, Cện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện đang ở Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn là anh Đỗ Hữu A trình bày*: Anh và chị Nguyễn Thị Trà B có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tri Phương, Cện Tiên Du vào tháng 11 năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng bố mẹ anh tại thôn Đ, xã Tri Phương, Cện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh ngay. Được một năm vợ chồng ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà, đến năm 2007 thì vợ chồng ở riêng.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013, chị B có quan hệ với người đàn ông khác bị anh bắt quả tang tại khách sạn, khi đó anh có gọi bố đẻ chị B đến chứng kiến. Kể từ đó vợ chồng sống lạnh nhạt, không ai quan tâm tới ai. Đến tháng 01 năm 2018 thì chị B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Kể từ đó

đến nay vợ chồng không liên lạc với nhau, chị B có gọi điện thoại về nhà nhưng chỉ nói cCện với con chứ không nói cCện với anh. Tháng 7 năm 2022 cô B có về nước được hơn một tháng thì về nhà bố mẹ đẻ chứ không về nhà anh. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị B theo quy định của pháp luật.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hữu C, sinh ngày 21/8/2006 và cháu Đỗ Hữu Nhật D, sinh ngày 03/5/2012. Hiện cháu D đang ở với anh còn cháu C đã ở cùng ông bà ngoại được hơn một năm. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay là giao cháu D cho anh và giao cháu C cho chị B nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

**Bị đơn là chị Nguyễn Thị Trà B không có văn bản trả lời cho tòa án.*

Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho gia đình chị B, ông Nguyễn Đương Hài (bố đẻ chị B) là người trực tiếp nhận và cam kết sẽ thông báo trực tiếp cho chị B ngay nhưng chị B cố tình trốn tránh dấu địa chỉ.

Ông Hài trình bày: Gia đình ông tổ chức cho chị B và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tri Phương năm 2005. Sau ngày cưới chị B về làm dâu nhà anh A ngay, trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị B đã về nhà ông ở từ năm 2013, đến năm 2018 thì chị B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Tháng 9 năm 2022, chị B có về thăm gia đình một tháng nhưng không về nhà anh A mà về nhà ông ở. Nay anh A làm đơn xin ly hôn chị B thì ông để cho vợ chồng quyết định. Về con chung: Anh chị có 02 cháu là Đỗ Hữu C, sinh ngày 21/8/2006 và Đỗ Hữu Nhật D, sinh ngày 03/5/2012. Hiện cháu C đang ở cùng với ông bà, còn cháu D đang ở với anh A, ông cũng đồng ý giữ nguyên việc nuôi con như hiện nay, ông sẽ nuôi dưỡng cháu C cho đến khi chị B về nước. Về tài sản chung của vợ chồng anh A chị B thì ông không biết. Bản thân gia đình ông đã nhiều lần hỏi địa chỉ của chị B nhưng chị B không cung cấp, chị B thường xuyên liên lạc với gia đình bằng mạng Internet, Zalo, Facebook.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn cố tình trốn tránh, không gửi văn bản ý kiến của mình về cho Tòa án, không chấp hành tốt pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Đỗ Hữu A được ly hôn chị Nguyễn Thị Trà B; con chung: giao cháu Đỗ Hữu C sinh ngày 21/8/2006 cho chị B nuôi dưỡng và giao cháu Đỗ Hữu Nhật D, sinh ngày 03/5/2012 cho anh A nuôi

dưỡng, cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết; tài sản chung, công nợ: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tố tụng:

Anh Đỗ Hữu A có đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Trà B, hiện chị B đang cư trú và làm việc tại Đài Loan. Căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Anh Đỗ Hữu A có đơn xin xét xử vắng mặt, chị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hữu A và chị Nguyễn Thị Trà B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau. Đầu năm 2018 chị B đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó đến nay hai bên không nói cCện được với nhau.

Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục cuộc hôn nhân sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống chung của các bên nên chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đỗ Hữu A.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Hữu C, sinh ngày 21/8/2006 và cháu Đỗ Hữu Nhật D, sinh ngày 03/5/2012. Hiện cháu D đang ở với anh A còn cháu C đã ở cùng ông bà ngoại và chị B được hơn một năm. Anh A và bố mẹ chị Vy đều đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng nuôi con như hiện nay là giao cháu D cho anh A và giao cháu C cho chị B nuôi dưỡng. Vì vậy, chấp nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Tài sản chung và công nợ: Không giải quyết.

Án phí: Anh Đỗ Hữu A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 228, 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đỗ Hữu A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đỗ Hữu A được ly hôn chị Nguyễn Thị Trà B.

2. Con chung: Giao cháu Đỗ Hữu Nhật D, sinh ngày 03/5/2012 cho anh Đỗ Hữu A trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Hữu C, sinh ngày 21/8/2006 cho chị Nguyễn Thị Trà B trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công nợ: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh Đỗ Hữu A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Đỗ Hữu A đã nộp số tiền 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0000250 ngày 17/10/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuyết Mai